

Số: /BC-UBND

Ba Trang, ngày tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

**Sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể
cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ,
giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030
của Ủy ban nhân dân xã Ba Trang**

*Thực hiện Công văn số 602/UBND ngày 31/3/2025 của UBND huyện Ba
Tơ về việc báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành
chính giai đoạn 2021 – 2030;*

Ủy ban nhân dân xã Ba Trang báo cáo sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực
hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030,
đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai
đoạn 2026 – 2030 cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Trong giai đoạn 2021-2025, địa phương đã thực hiện quán triệt và cụ thể
hóa các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu và triển khai thực hiện các văn bản như
sau: Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành
chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030;
Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
ban hành Kế hoạch cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách
hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai
đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND
tỉnh Ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số CCHC (PAR INDEX), chỉ số quản trị
và hành chính công (PAPI) cấp tỉnh giai đoạn 2022-2025 của tỉnh Quảng Ngãi;
Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê
duyet Đề án “Xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành; UBND các huyện,
thị xã, thành phố và UBND các xã, phường thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng
Ngãi” giai đoạn 2023-2030.

Bên cạnh đó địa phương cũng đã quán triệt các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo
về công tác CCHC của Huyện ủy, UBND huyện Ba Tư. Trên cơ sở đó, Ủy ban
nhân dân xã đã xây dựng và ban hành Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày
14/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính xã
Ba Trang giai đoạn 2021 – 2025 và hằng năm thực hiện ban hành các quyết định

về kế hoạch CCHC cho từng năm để làm căn cứ triển khai thực hiện công tác CCHC trên địa bàn xã.

- Việc bố trí nguồn lực triển khai kinh phí và nhân lực đảm bảo theo đúng quy định; Công tác CCHC được UBND xã xác định là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên. Để đạt được mục tiêu đặt ra, ngay từ đầu giai đoạn, UBND xã đã chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện công tác CCHC trên địa bàn xã và thường xuyên chỉ đạo triển khai đầy đủ các văn bản, nhiệm vụ CCHC. Ban hành đầy đủ các văn bản để làm cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC theo chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021 – 2030; nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong nhận thức và tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC tại cơ quan, đơn vị góp phần nâng cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC và đồng thời phân công cho công chức thực hiện các tiêu chí liên quan đến nhiệm vụ phụ trách.

Trong những năm qua việc thi đua khen thưởng trong cải cách hành chính tại địa phương được thực hiện kịp thời để động viên, tuyên truyền, nhân rộng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích, đóng góp tích cực trong công tác cải cách hành chính tại địa phương.

2. Kiểm tra việc thực hiện

- UBND xã xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra hằng năm; thành lập tổ tự kiểm tra nội bộ và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên kiểm tra nhằm mục đích đánh giá khách quan, toàn diện tình hình triển khai các kế hoạch về công tác cải cách hành chính để từ đó có biện pháp, giải pháp chỉ đạo nhằm đẩy mạnh công tác CCHC trong thời gian tiếp theo.

- Thông qua kiểm tra CCHC nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ CCHC tại địa phương; kịp thời phát hiện những tồn tại, khó khăn hoặc vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để có hướng khắc phục, tháo gỡ khó khăn; chấn chỉnh các trường hợp cán bộ, công chức chưa chủ động, tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC; làm cơ sở để xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức và bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng cuối năm.

3. Thông tin, tuyên truyền

- Thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính hằng năm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn xã.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải cách hành chính; đưa tuyên truyền cải cách hành chính vào hoạt động thường xuyên trên trang thông tin điện tử của xã. Qua đó, góp phần giúp người dân, doanh nghiệp dễ tiếp cận thông tin, nâng cao nhận thức về quyền và trách nhiệm trong việc giám sát, phản ánh về chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, chất lượng phục vụ của cán bộ, công chức trong thực hiện vụ công vụ.

Kết quả đạt được trong công tác tuyên truyền: Đã góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ cải cách hành chính theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và

của huyện; Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, Đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn xã. Tạo chuyển biến tích cực về nhận thức, tinh thần, thái độ làm việc, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Đánh giá chung về công tác triển khai

a) Mặt tích cực đạt được

Qua quá trình triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 tại địa phương cũng đã ghi nhận nhiều kết quả tích cực như sau:

Địa phương cơ bản đã ứng dụng công nghệ thông tin vào việc giải quyết thủ tục hành chính, giúp người dân dễ dàng tiếp cận các dịch vụ công, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp. Thủ tục hành chính ở cấp xã được đơn giản hóa và minh bạch hóa quy trình, được cắt giảm, sắp xếp gọn gàng hơn, đi kèm với việc niêm yết công khai thông tin rõ ràng, giúp tăng niềm tin của người dân vào cơ quan hành chính nhà nước.

Về đội ngũ cán bộ công chức được phát triển, nâng cao trình độ chuyên môn. Tại địa phương hằng năm đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhằm nâng cao kỹ năng, thái độ phục vụ và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong tình hình mới.

Tăng cường tiếp nhận ý kiến phản hồi, tương tác giữa người dân và chính quyền cơ sở, tạo điều kiện để người dân đóng góp ý kiến, từ đó điều chỉnh và cải thiện dịch vụ hành chính một hiệu quả hơn.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành về CCHC được nâng cao, các văn bản, nhiệm vụ CCHC được triển khai rộng rãi, minh bạch.

b) Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những mặt đạt được tích cực vẫn còn một số hạn chế nhất định trong công tác CCHC tại địa phương như sau:

Hằng năm một số nội dung thực hiện chậm tiến độ; một số công chức phụ trách còn thiếu tính chủ động, chưa thể hiện sự quyết tâm cao trong thực hiện các nhiệm vụ về CCHC.

Một số công chức còn hạn chế về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ, việc sử dụng các phần mềm trong giai đoạn đầu còn nhiều lúng túng.

Một số tiêu chí đề ra hằng năm còn chưa đạt.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

Thực hiện các nội dung CCHC theo Nghị quyết số 76/NQ-CP của Chính phủ, tại địa phương đã đạt được một số kết quả như sau:

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Về tình hình triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm của tỉnh trên cơ sở Luật Tổ chức chính quyền địa phương

- Về triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm, đối với địa phương không thực hiện ban hành các văn bản QPPL. Qua quá trình thực hiện cơ bản hệ thống văn bản các cấp ban hành được kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Hằng năm địa phương thực hiện tốt công tác tổ chức kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

- Công tác thi hành pháp luật nhằm đánh giá đúng thực trạng và hiệu quả việc tổ chức thực hiện, áp dụng các quy định pháp luật trong quản lý, điều hành của Nhà nước đối với công tác quản lý, xử lý vi phạm. Thông qua công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, bất cập, hạn chế trong triển khai thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; nhằm góp phần nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính ở địa phương

- Bảo đảm triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ, có hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính ở cơ sở, góp phần ngăn ngừa vi phạm hành chính, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước bằng pháp luật.

b) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật

- Đảm bảo đúng quy trình ban hành, nội dung, hợp pháp, hiệu quả đúng thẩm quyền về xây dựng và ban hành văn bản QPPL.

- Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật hằng năm được đảm bảo, văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân (HĐND), UBND xã ban hành phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật

Hằng năm địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác theo dõi tình hình THPL đến với cán bộ công chức, Đảng viên và nhân dân trên địa bàn. Trong đó địa phương chú trọng tuyên truyền Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2012/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực, nhất là các văn bản pháp luật mới có hiệu lực

- Thực hiện tốt công tác theo dõi tình hình THPL theo các nội dung THPL thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương theo quy định.

- Thực hiện tiếp nhận, thu thập, phân loại phản ánh, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức và thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về tình hình THPL; xem xét, nghiên cứu, kiểm tra lại phản ánh, kiến nghị; xử lý hoặc kiến nghị xử lý thông tin được phản ánh theo thẩm quyền.

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Công tác theo dõi tình hình THPL theo các nội dung THPL thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương còn nhiều hạn chế; công chức phụ trách lĩnh vực còn lúng túng, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả đạt được

a) Cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành.

Thực hiện tốt nội dung Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Ủy ban nhân dân xã đã thành lập, kiện toàn Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã, phân công, giao nhiệm vụ công chức chuyên môn thực hiện hướng dẫn công dân, tổ chức khi đến giao dịch tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết.

Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa: Về cơ sở vật chất đã có phòng làm việc đủ tiêu chuẩn theo quy định; về trang thiết bị có 03 máy tính, 01 máy in, 01 máy scan; trang bị máy tính cho người dân, tổ chức khai thác, tra cứu thông tin, nộp hồ sơ trực tuyến; trang thiết bị còn thiếu 02 máy tính, 01 máy in; phần mềm ứng dụng đang thực hiện phần mềm một cửa điện tử dùng chung iGate 2.0; phần mềm quản lý hộ tịch; phần mềm liên thông đề án 06; về nhân sự có 05 nhân sự là các công chức chuyên môn thường trực giải quyết hồ sơ TTHC; về chế độ hỗ trợ cho công chức làm một cửa đã thực hiện đầy đủ.

Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: Thực hiện 100% TTHC được nhập trên phần mềm một cửa; công tác số hoá hồ sơ đang triển khai thực hiện có hiệu quả, đến thời điểm báo cáo, tỷ lệ số hoá thành phần là 100%, số hoá kết quả là 100%.

Thực hiện tốt công tác thông kê, báo cáo việc tiếp nhận giải quyết TTHC thường xuyên; hạn chế thấp nhất việc trễ, quá hạn, chậm duyệt hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử iGate 2.0.

Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong giai đoạn 2021 – 2025, tại địa phương không có tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC. Mọi giải quyết TTHC của người dân và tổ chức được thực hiện tốt.

Thực hiện tốt công tác đánh giá chất lượng CBCC giải quyết TTHC cho công dân và tổ chức. Công tác giải quyết TTHC được thực hiện tốt, hầu hết các TTHC được giải quyết trong ngày và đối tượng người dân làm TTHC là người dân tại địa phương nên không phát sinh các dịch vụ bưu chính công ích. Các TTHC được giải quyết nhanh gọn, không phát sinh hện và luôn trả trước hạn. Tỷ lệ đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức được thực hiện hằng năm đạt tỷ lệ hài lòng 100%.

b) Về kiểm soát thủ tục hành chính

Hằng năm địa phương thực hiện xây dựng kế hoạch, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo các quy định của Chính phủ;

Thực hiện tốt các quy định của Chính phủ tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 23/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Theo đó, kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thực hiện thường xuyên, có trọng tâm và hiệu quả; bảo đảm TTHC được thực hiện là cần thiết, hợp pháp, hợp lý, chi phí tuân thủ thấp nhất và lợi ích đạt được cao nhất.

Việc thực hiện rà soát phải đảm bảo chính xác, chất lượng, đúng thời hạn quy định; kết quả rà soát phải đưa ra được các phương án đơn giản hóa, các sáng kiến cải cách TTHC cụ thể với mục tiêu cắt giảm tối thiểu 10% chi phí tuân thủ TTHC mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện TTHC và rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai theo hướng cắt giảm thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa.

Chủ động rà soát, phát hiện các bất cập về TTHC, giấy tờ công dân cần cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thẩm quyền giải quyết, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp.

- Công tác thực hiện phân cấp trong giải quyết TTHC được thực hiện tốt.
- Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thực hiện phân cấp trong giải quyết TTHC theo quy định. Kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ. Đánh giá đúng tình hình, kết quả tham mưu triển khai thực hiện của cán bộ, công chức chuyên môn được phân công; phát huy những mặt tích cực; kịp thời chấn chỉnh thiếu sót, xử lý vi phạm. Góp phần thực hiện có hiệu quả công tác CCHC của địa phương.

- Việc đối thoại, tổ chức lấy ý kiến và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính hằng năm được thực hiện từ 2 hội nghị trở lên theo quy định. Theo đó, hằng năm UBND xã xây dựng kế hoạch đối thoại giữa Chủ tịch UBND xã với tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính. Kịp thời cung cấp thông tin và tuyên truyền, giải thích những chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trong hoạt động cải cách thủ tục hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả lời kết quả.

Thực hiện hiệu quả mục tiêu dân chủ hóa, công khai hóa mọi hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước để cá nhân, tổ chức theo dõi, giám sát việc thực hiện; phát huy quyền làm chủ, huy động tham gia góp ý kiến của người dân, tổ chức đối với hoạt động giải quyết TTHC; kịp thời nắm bắt những khó

khẩn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để nhanh chóng tháo gỡ những khó khăn vướng mắc.

Thực hiện giải quyết tốt các ý kiến, kiến nghị của người dân, đồng thời những ý kiến, kiến nghị vượt quá thẩm quyền sẽ tổng hợp đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết.

c) Công khai thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ. Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng dịch vụ công của tỉnh và khai thác, sử dụng Cổng dịch vụ công quốc gia

Về công bố, công khai TTHC theo quy định: Tất cả các TTHC, sau khi có Quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đều được UBND xã triển khai tổ chức niêm yết đầy đủ tại trụ sở cơ quan, đồng thời, công khai trên Cổng thông tin điện tử xã tại địa chỉ: <https://xabatrang.bato.quangngai.gov.vn>. Việc niêm yết, công khai đầy đủ các TTHC và kịp thời cập nhật các TTHC đã được sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ của các ngành, lĩnh vực đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị trong việc tra cứu, tìm hiểu khi có nhu cầu thực hiện TTHC.

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo cơ chế một cửa xã, thực hiện nghiêm túc việc niêm yết công khai bộ thủ tục hành chính tại đơn vị, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khi đến giao dịch.

d) Việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông:

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Tính đến thời điểm báo cáo đã có 100 dịch vụ công trực tuyến. Trong đó có 77 dịch vụ công trực tuyến một phần, có 33 dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Kết quả tiếp nhận giải quyết TTHC trong giai đoạn (15/12/2020 - 01/4/2025): Đã tiếp nhận xử lý 2.561 hồ sơ TTHC. Trong đó có 1.667/2.561 hồ sơ được tiếp nhận trực tuyến tỷ lệ 65,09%.

- Tình hình, kết quả thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: Do điều kiện địa phương xa khu vực trung tâm, đa số người dân, tổ chức đến giải quyết TTHC là người dân trên địa bàn, nên nên không có phát sinh hồ sơ TTHC qua dịch vụ BCCI.

- Kết quả thực hiện giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính: Trong giai đoạn 2021 – 2025 có 135/2.561 hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính, tỷ lệ 5,2%.

- Kết quả thực hiện lấy ý kiến đánh giá của người dân, tổ chức khi giải quyết TTHC; kết quả về mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về giải quyết TTHC hằng năm đạt từ 90-100%

Thực hiện Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức

trong giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, công tác đánh giá được thực hiện trực tiếp tại quầy giao dịch TTHC và qua đánh giá điều tra XHH hằng năm.

- Tình hình triển khai thực hiện số hóa kết quả và hồ sơ giải quyết TTHC; kết quả khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.

Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ). Hằng năm xây dựng Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính Công tác số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tổ chức lưu trữ, khai thác văn bản điện tử hoặc thông tin số đảm bảo đáp ứng các yêu cầu tại khoản 4 Điều 4, Điều 5, Điều 6 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ; tuân thủ quy định của Luật lưu trữ, Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lưu trữ. Trên cơ sở xác định cụ thể các nội dung, nhiệm vụ, sản phẩm công việc, thời hạn hoàn thành, các ngành phát huy tính chủ động, tích cực và phối hợp chặt chẽ, đồng bộ trong tổ chức triển khai thực hiện các quy định về công tác số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Kết quả số hoá hồ sơ trong giai đoạn 2020 – 2025: Tỷ lệ số hồ sơ có số hóa đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận: 71,23%; Tỷ lệ số hóa kết quả hồ sơ: 69,24%.

Kết quả trong năm 2025: Tỷ lệ số hồ sơ có số hóa đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận: 100%; Tỷ lệ số hóa kết quả hồ sơ: 100%.

e) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân về giải quyết thủ tục hành chính.

Trong giai đoạn 2021 – 2025, UBND xã không có tiếp nhận trường hợp công dân phản ánh, kiến nghị của người dân về giải quyết thủ tục hành chính.

g) Công tác truyền thông và sáng kiến, mô hình, giải pháp cải cách thủ tục hành chính.

Thực hiện tốt quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

Hằng năm địa phương thực hiện tuyên truyền kịp thời, sâu rộng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn.

Hằng năm địa phương đã thực hiện phát động phong trào thi đua tìm kiếm giải pháp, sáng kiến, mô hình thực hiện CCHC, tuy nhiên các mô hình, sáng kiến kinh nghiệm chưa có.

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Tại địa phương đôi lúc vẫn chưa cập nhật thủ tục hành chính kịp thời lên hệ thống; việc niêm yết công khai TTHC chưa đầy đủ, đặc biệt là các quy định mới về thủ tục hành chính.

Về cơ sở vật chất và trang thiết bị chưa đáp ứng được yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ cho việc giải quyết thủ tục hành chính như máy scan, máy photocopy, trang bị camera...

Một số cán bộ công chức áp dụng công nghệ thông tin còn nhiều hạn chế, lúng túng trong việc sử dụng các phần mềm.

Nguyên nhân: Công chức xã chưa cập nhật thường xuyên chuyên môn nghiệp vụ, hạn chế về ứng dụng tin học; nguồn kinh phí còn hạn chế

Công tác tuyên truyền về CCHC tại xã vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa đa dạng hình thức tuyên truyền, phương pháp tuyên truyền.

Đa số người dân địa phương là người đồng bào nên việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến còn nhiều hạn chế. Hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng còn hạn chế.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân xã

Tại địa phương việc bố trí sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, số lượng cán bộ công chức theo số lượng biên chế được giao được thực hiện tốt. UBND xã xây dựng quy chế hoạt động nhiệm kỳ và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ủy ban, cán bộ công chức để thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao.

b) Về phân cấp quản lý

Thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và các văn bản quy định về phân cấp QLNN theo ngành, lĩnh vực.

Tại địa phương hằng năm thực hiện rà soát, báo cáo các nội dung phân cấp phân quyền và thực hiện tốt các quy định về phân cấp trong quản lý nhà nước do cấp có thẩm quyền. Thường xuyên đề cao trách nhiệm, ý thức tự tham mưu, giải quyết công việc của từng cán bộ, công chức gắn với trách nhiệm của người đứng đầu; xây dựng kế hoạch tự kiểm tra công tác phân cấp quản lý nhà nước tại địa phương, kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế và phương hướng khắc phục.

c) Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị:

Hằng năm địa phương thực hiện ban hành kế hoạch tự kiểm tra công tác phân cấp quản lý nhà nước trên địa bàn và triển khai thực hiện.

Trong giai đoạn 2021 – 2025, qua kết quả tự kiểm tra hằng năm không có phát sinh sai sót lớn.

3.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Năng lực cán bộ, công chức xã không đồng đều, một số cán bộ công chức chưa đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc. Công tác phối hợp giữa các bộ phận trong đơn vị còn thiếu sự gắn kết, đồng bộ; chưa áp dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào trong hoạt động công vụ.

Nguyên nhân: Sự lãnh đạo, chỉ đạo chưa có sự chỉ đạo đồng bộ và hiệu quả; hạn chế về nguồn lực, kinh phí; trình độ cán bộ, công chức không đồng đều.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức

Hàng năm UBND xã xây dựng Kế hoạch về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức theo Nghị định 59/2019/NĐ-CP; thực hiện nâng bậc lương thường xuyên theo đúng quy định cho cán bộ, công chức. Xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hằng năm đối với cán bộ công chức và người hoạt động bán chuyên trách.

Thực hiện tốt việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức. Trong giai đoạn 2021 – 2025 tại địa phương không có cán bộ, công chức bị kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức.

b) Về công chức cấp xã

UBND xã thực hiện đảm bảo theo Nghị định 33/2033/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố

- Về số lượng tổng số cán bộ công chức được giao: 21 định biên

Cán bộ hiện có 10 cán bộ;

Công chức hiện có 10 công chức

Thiếu 01 cán bộ.

- Về chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức 19 người có bằng đại học, trong đó có 02 thạc sỹ; có 01 người có trình độ Cao Đẳng. Về trình độ lý luận chính trị: 03 sơ cấp; 17 trung cấp.

Nhìn chung cán bộ công chức đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Mặc dù trình độ cán bộ công chức xã nhiều năm qua được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tuy nhiên trình độ cán bộ công chức không đồng đều, còn hạn chế về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ.

Nguyên nhân: Chất lượng công tác đào tạo bồi dưỡng chưa cao, nhận thức năng lực còn hạn chế; khối lượng công việc lớn, sở vật chất hạn chế.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách, cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước

Thực hiện tốt Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính Phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan quản lý Nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ. Căn cứ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

Hàng năm UBND xã đã tổ chức xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và xây dựng phương án phân bổ ngân sách hàng năm của cấp trên cho các ngành, cơ quan đơn vị để thực hiện quản lý nhà nước tại địa phương.

b) Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa. (không thực hiện)

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Nguồn lực kinh phí hoạt động ít nên định mức khoán hiện nay còn thấp làm ảnh hưởng đến khoản tiết kiệm chi.

Nguồn thu trên địa bàn không đảm bảo, nhu cầu chi cho các hoạt động của các ban ngành đoàn thể rất lớn nên đôi lúc các hoạt động của các ban ngành còn hạn chế, gây áp lực đến tâm lý cán bộ công chức.

6. Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin: Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử; Cổng dịch vụ công; kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm.

Thực hiện tốt Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ Điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025

Hàng năm Ủy ban nhân dân xã thực hiện ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn xã Ba Trang. Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông

tin trong hoạt động của cơ quan đơn vị; xây dựng kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021 – 2025 và kế hoạch chuyển đổi số hằng năm để tổ chức thực hiện.

b) Kết quả tổ chức thực hiện

Việc xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tại địa phương trong giai đoạn đã đạt được một số kết quả nhất định như sau:

Về hạ tầng kỹ thuật: Tại địa phương đã thực hiện kết nối kết nối Internet băng thông rộng, đảm bảo điều kiện triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động công vụ. Triển khai thực hiện hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối thông suốt từ Trung ương đến cấp xã, giúp tăng cường hiệu quả chỉ đạo và điều hành, tổ chức các hội nghị trực tuyến tại địa phương.

Về ứng dụng công nghệ số và phần mềm: Đã triển khai và thực hiện có hiệu quả Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, liên thông từ cấp Trung ương đến cấp xã, với tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi trên môi trường mạng tại địa phương đạt 100%. Thực hiện chữ ký số được tích hợp vào các phần mềm quản lý, giúp giảm thiểu việc sử dụng văn bản giấy. Bên cạnh đó, địa phương cũng đã triển khai và thực hiện tốt các phần mềm khác đang ứng dụng vào hoạt động công vụ: Phần mềm Hộ tịch, phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Quảng Ngãi, thực hiện tốt công tác Báo cáo Hệ thống báo cáo tỉnh, Báo cáo chính phủ.

Về dịch vụ công trực tuyến: Tại địa phương đã thực hiện tốt các dịch vụ công trực tuyến đã được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia, với tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 hằng năm đạt trên 80%. Việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí qua Cổng Dịch vụ công quốc gia cũng được đẩy mạnh, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Về cải cách thủ tục hành chính: Thực hiện tốt công tác số hoá hồ sơ TTHC và lưu trữ điện tử giúp nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính. Tỷ lệ số hoá hằng năm đạt cao. Tính đến thời điểm báo cáo tỷ lệ số hoá thành phần và số hoá kết quả đạt 100%.

Về thực hiện đề án 06 tại địa phương được triển khai đồng bộ, sự phối hợp thực hiện giữa các ngành được thông suốt. Đẩy mạnh phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của đề án, gắn với 05 nhóm tiện ích như sau: (1) Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; (2) Phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; (3) Phục vụ công dân số; (4) Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư; (5) Phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo.

Cán bộ công chức cấp xã cơ bản sử dụng thành thạo máy vi tính; 100% văn bản đến và đi được tiếp nhận, xử lý qua hệ thống điện tử; cán bộ, công chức thường xuyên trao đổi công tác qua email công vụ, iOffice, mạng nội bộ tạo chuyển biến tích cực trong hoạt động công vụ của chính quyền địa phương.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tại địa phương vẫn còn gặp phải một số tồn tại và hạn chế, cùng với các nguyên nhân chính như sau:

Tồn tại và hạn chế:

Về hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, tại địa phương xã Ba Trang là một địa phương vùng cao, vùng xa, vẫn chưa có hạ tầng công nghệ thông tin đầy đủ, các trạm phát sóng chưa được phủ khắp, một số vùng chưa có internet, mạng 4G, gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện.

Về năng cán bộ, công chức và nhận thức của người dân còn hạn chế: Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã chưa được đào tạo đầy đủ về kỹ năng công nghệ thông tin, dẫn đến việc sử dụng các hệ thống điện tử chưa hiệu quả, còn lúng túng trong việc sử dụng các phần mềm. Người dân trên địa bàn chưa được tiếp cận thông tin đầy đủ; nhận thức của người dân còn nhiều hạn chế, nhất là tầng lớp trung niên. Một bộ phận người dân chưa quen với việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dẫn đến việc tiếp cận các dịch vụ này còn hạn chế

Về nguồn lực tài chính, tại địa phương còn gặp khó khăn trong việc bố trí ngân sách để đầu tư vào hạ tầng và các giải pháp công nghệ.

Về công tác tuyên truyền, phổ biến về lợi ích của Chính quyền điện tử đến người dân và doanh nghiệp chưa được thực hiện sâu rộng.

Các tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương hoạt động chưa hiệu quả.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

Công tác CCHC được địa phương xác định là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên liên tục. Để đạt được mục tiêu đặt ra, hằng năm UBND xã đã tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo chắc chắn và có hiệu quả cao. Thực hiện tốt việc ban hành đầy đủ các văn bản Quyết định, Kế hoạch vác sát và các Kế hoạch cấp trên để làm cơ sở pháp lý triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC theo chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021 – 2025; góp phần phát triển kinh tế - xã hội ngày càng đi lên. Quá triển khai thực hiện công tác CCHC tại địa phương giai đoạn 2021 – 2025 đã đạt được một số kết quả nhất định:

- Nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về tầm quan trọng của công tác CCHC được nâng lên. Chính quyền địa hương đã quan tâm hơn đến việc triển khai các chương trình, kế hoạch thực hiện CCHC.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức được nâng cao, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được chú trọng, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong thực hiện công vụ; việc đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức được thực hiện nghiêm túc hơn, góp phần nâng cao trách nhiệm, tinh thần phục vụ.

- Công tác phân cấp, phân quyền được đẩy mạnh giúp địa phương nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong giải quyết công việc. Vai trò giám sát của cộng đồng đối với hoạt động của chính quyền địa phương được tăng cường.

- Về thủ tục hành chính tại cấp xã đã được đơn giản hóa và số hóa, giúp người dân tiếp cận các dịch vụ công nhanh chóng hơn, đặc biệt triển khai thực hiện đề án 06 tại địa phương đã mang lại hiệu quả cao, giảm bớt thời gian đi lại của người dân và giảm các thủ tục rườm rà.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Bên cạnh những mặt đạt được của công tác CCHC giai đoạn 2021 – 2025, tại địa phương cũng còn một số tồn tại hạn chế như sau:

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Mạng internet chưa được phủ sóng rộng rãi trên địa bàn; một bộ phận người dân chưa có đủ kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Mặc dù đã thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hằng năm, tuy nhiên cán bộ, công chức tại địa phương vẫn còn hạn chế nhất định về năng lực, đặc biệt là tin học, công nghệ thông tin, dẫn đến một số nội dung thực hiện công tác CCHC vẫn còn xảy ra chậm tiến độ; còn thiếu tính chủ động, chưa thể hiện sự quyết tâm cao trong thực hiện các nhiệm vụ về CCHC; chưa kịp thời cập nhật TTHC trên phần mềm giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân dẫn đến hồ sơ trễ hạn, quá hạn vẫn còn xảy ra.

- Chưa có sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay trong công tác CCHC tại địa phương.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

Một là: tăng cường sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ chính quyền địa phương, đặc biệt là người đứng đầu. Tổ chức theo dõi, đánh giá thường xuyên việc triển khai thực hiện công tác CCHC của cán bộ công chức, nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc thực hiện công tác CCHC tại địa phương. Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính là một trong những tiêu chí để đánh giá, phân loại người đứng đầu và là căn cứ để bình xét thi đua, khen thưởng của đơn vị hằng năm.

Hai là: Phân công cụ thể cán bộ, công chức, cụ thể hoá kế hoạch, mục tiêu CCHC hằng năm, xác định rõ ràng, cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ của từng ngành; tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, đơn vị tại địa phương.

Ba là: xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, có trình độ, năng lực và có phẩm chất đạo đức tốt, bảo đảm hiệu quả trong thực thi công vụ. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Bốn là: đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt triển khai công tác cải cách hành chính trên tất cả các nội dung đến đông đảo người dân và doanh nghiệp để biết và thực hiện.

Năm là: đầu tư nguồn lực tài chính để phục vụ cho công tác cải cách hành chính trước hết là đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhất là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của đội ngũ cán bộ công chức.

Phần thứ hai
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Qua quá trình thực hiện công tác CCHC giai đoạn 2021 – 2025; nội dung chỉ tiêu, mục tiêu của chương trình tổng thể theo Nghị quyết 76; các chủ trương, đường lối của Đảng; định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã, địa phương tập trung vào những nội dung sau:

1. Về cải cách thể chế

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trọng tâm tại Nghị quyết 76 của chính phủ đã ban hành, cụ thể hoá phù hợp với điều kiện của địa phương.

Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

Ban hành quy định và tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm tại địa phương. Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật. Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn xã.

Thường xuyên thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật trên địa bàn

2. Về cải cách thủ tục hành chính

Thực hiện tốt việc kiểm soát các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính được đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện; loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có

Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai thủ tục hành chính tại trụ sở và trên trang TTĐT cấp xã

Thực hiện tốt việc khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Thực hiện tốt công tác tổ chức sắp xếp, kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước; thực hiện rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính. Thực hiện tốt công tác

phân cấp, phân quyền cho địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước. Thực hiện tốt các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

4. Về cải cách chế độ công vụ

Thực hiện tốt quy định về quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tại địa phương.

Thực hiện tốt phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức theo quy định, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; thực hiện tốt quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị.

Thực hiện tốt nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức gắn với vị trí việc làm, đồng thời tăng cường bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ công chức.

5. Về cải cách tài chính công

Thực hiện tốt luật ngân sách, xây dựng kế hoạch hoạt động và phân bổ ngân sách ngay từ đầu năm để làm cơ sở cho việc phân bổ ngân sách, hạn chế việc chi phát sinh ngoài kế hoạch, đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động dịch vụ công.

Thực hiện kiểm kê công khai dự toán ngân sách, kiểm kê toàn bộ số lượng, giá trị, hiện trạng tài sản hiện có tại cơ quan để làm cơ sở xác định nhu cầu mua sắm, sửa chữa, nâng cấp tài sản hàng năm, sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn tài sản hiện có.

Thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Tiếp tục đề xuất các cấp ngành đầu tư hạ tầng kỹ thuật viễn thông tại địa phương đảm bảo điều kiện triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động công vụ. Tiếp tục thực hiện tốt hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, ứng dụng công nghệ số và phần mềm. Triển khai có hiệu quả Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thực hiện ký số được tích hợp vào các phần mềm quản lý, thực hiện tốt các phần mềm Hộ tịch, phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Quảng Ngãi, thực hiện tốt công tác Báo cáo Hệ thống báo cáo tỉnh, Báo cáo chính phủ.

Tiếp tục thực hiện tốt dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến công tác số hoá hồ sơ TTHC và lưu trữ điện tử.

Thực hiện có hiệu quả đề án 06 tại địa phương, đẩy mạnh phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của đề án, gắn với 05 nhóm tiện ích như sau: (1) Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; (2) Phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; (3) Phục vụ công dân số; (4) Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư; (5) Phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo.

Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cán bộ công chức cấp xã, sử dụng thành thạo máy vi tính; 100% văn bản đến và đi được tiếp nhận, xử lý qua hệ thống điện tử; cán bộ, công chức thường xuyên trao đổi công tác qua email công vụ, iOffice, mạng nội bộ tạo chuyển biến tích cực trong hoạt động công vụ của chính quyền địa phương.

Phần thứ ba NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, các cơ quan, tổ chức có liên quan về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới.

(Không có nội dung kiến nghị, đề xuất)

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

(Không có nội dung kiến nghị, đề xuất)

3. Những kiến nghị, đề xuất khác. (Không)

Trên đây là Báo cáo Sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 – 2030.

Trên đây là báo cáo Sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 – 2030, Ủy ban nhân dân xã Ba Trang kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Mặt trận & các Hội đoàn thể xã;
- Bộ phận Một cửa xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Công chức các ngành;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Thích

